

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2020/HS - PT.

Ngày: 23 -11- 2020.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Gia Lương.

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Nhiên.

Bà Nguyễn Thị Kim Dung.

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

***Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Phan Thị Diễm Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 23/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 271/2020/TLPT-HS ngày 27/10/2020, đối với bị cáo Nguyễn Văn T và đồng phạm, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Văn L, Nguyễn Văn C, Nguyễn Mạnh C2 và Nguyễn Văn T4 đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 133/2020/HS-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972; Tên gọi khác: Không;  
Nơi cư trú: Thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh B; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 6/12;  
Con ông Nguyễn Văn Q (đã chết);  
Con bà Thân Thị O (đã chết);  
Gia đình có 07 anh chị em; bị cáo là thứ sáu;  
Vợ: Thân Thị C, sinh năm 1975;  
Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2003;  
Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;  
Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ 13/4/2020 đến ngày 14/7/2020 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).
2. Họ và tên: **Trịnh Văn L**, sinh năm 1982; Tên gọi khác: Không.  
Nơi cư trú: Thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 6/12;

Con ông Trịnh Văn T1, sinh năm 1942;

Con bà Lưu Thị L1, sinh năm 1942;

Gia đình có 09 anh chị em; bị cáo là thứ 8;

Vợ: Nguyễn Thị T2, sinh năm 1983;

Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2007;

Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không;

Bị cáo đầu thú, bị cầm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa).

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1988; Tên gọi khác: Không;

Nơi cư trú: Thôn Y, xã T, huyện Y, tỉnh B. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Văn hóa: 9/12;

Con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1960 (đã chết);

Con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960;

Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là thứ ba;

Vợ Bùi Thị C1, sinh năm 1998; Bị cáo có 01 con sinh năm 2014;

Tiền án:

- Tại Bản án số: 37/2010/HS-ST ngày 09/7/2010, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

- Tại Bản án số: 52/2010/HS-ST ngày 16/11/2010, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với bản án số: 37/2010/HS-ST ngày 09/7/2010 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, buộc chấp hành hình phạt chung là 07 năm 09 tháng tù, được trừ 12 ngày tạm giữ, ra trại ngày 06/12/2017;

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ 13/4/2020 đến ngày 06/7/2020 được thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

4. Họ và tên: **Nguyễn Mạnh C2**, sinh năm 1987; Tên gọi khác: Không;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh B.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 12/12;

Con ông Nguyễn Mạnh H1, sinh năm 1959;

Con bà Nguyễn Thị C3, sinh năm 1959;

Gia đình có 03 chị em; bị cáo là thứ ba;

Vợ: Phạm Thị M, sinh năm 1996; Bị cáo chưa có con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Bản án số: 37/HS-ST ngày 09/7/2010, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bản án số: 73/HS-ST ngày 19/11/2013, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Bản án số: 101/HS-ST ngày 23/12/2015, Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 30 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (ra trại ngày 09/02/2018, chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm tháng 6/2016).

Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/4/2020 đến ngày 08/5/2020 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại (Có mặt tại phiên tòa)

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn T4**, sinh năm 1976; Tên gọi khác: Không;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn P, xã Đ, thành phố B, tỉnh B;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 7/12;

Con ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1936 (đã chết);

Con bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1951;

Gia đình có 02 anh em; bị cáo là thứ nhất;

Vợ: Thân Thị K, sinh năm 1975; Bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2003;

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số: 35/2012/HSST ngày 16/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 05 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”, bị cáo chấp hành xong tháng 11/2013.

Bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ 13/4/2020 đến ngày 08/5/2020 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh, hiện tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án còn có 09 bị cáo khác và 06 người có quyền nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên cấp phúc thẩm không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 12/4/2020, Nguyễn Văn T, sinh năm 1972, trú tại thôn S, xã Đ, thành phố B sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, vỏ màu hồng có gắn số thuê bao 0338.241.632 gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T4, sinh năm 1976, trú tại thôn P, xã Đ, thành phố B; Đặng Văn C4, sinh năm 1983, trú tại thôn L, xã T,

huyện Y, tỉnh B; Dương Văn H3, sinh năm 1977, trú tại thôn X, xã N, huyện Y, tỉnh B rủ đến nhà T đánh bạc dưới hình thức đánh “Liêng”. Do nhà T có con nhỏ đang bị ốm nên T đã nảy sinh ý định chuyển đi địa điểm khác để đánh bạc. T gọi điện cho Trịnh Văn L bảo L sang nhà uống nước. Tại nhà T lúc này có T, L và Nguyễn Văn H4, sinh năm 1975 (là em trai T). T nói riêng với L về việc muốn mượn địa điểm nhà Phạm Văn D2, sinh năm 1964, trú tại thôn S, xã Đ, thành phố B để tổ chức đánh bạc và nhờ L liên hệ với D2 hỏi mượn nhà, L đồng ý. Sau đó, T sử dụng điện thoại di động gọi điện thoại cho Nguyễn Mạnh C2, sinh năm 1987, trú tại thôn Liên Sơn, xã T, huyện Y, tỉnh B; Thân Văn U, sinh năm 1982, trú tại thôn T, xã T, huyện Y, tỉnh B; Ngụy Thị Q1, sinh năm 1977, trú tại tiểu khu 6, thị trấn N, huyện Y, tỉnh B và Lưu Văn T6, sinh năm 1979, trú tại thôn S, xã Đ, thành phố B rủ các đối tượng đến đánh bạc và được các đối tượng đồng ý.

Khoảng 21 giờ, cùng ngày có H3, U, C4, C2; Nguyễn Văn C, sinh năm 1988, trú tại thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh B; Nguyễn Văn N2, sinh năm 1987, trú tại thôn S, xã S, thành phố B và Nguyễn Văn S2, sinh năm 1982, trú tại thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh B đến nhà T. Thấy mọi người đến tập trung đông, lúc này L sử dụng điện thoại di động lắp số thuê bao 0369.425.690 gọi điện thoại đến số điện thoại 0869.117.309 của D2 hỏi mượn nhà để đánh bạc, D2 đồng ý. L nói với T là “ông D2 đồng ý rồi”, sau đó T bảo L điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98B1-529.04 của vợ T đưa các đối tượng gồm: C2, C, N2, S2, U, C4 và H4 đến nhà D2 đánh bạc. Đến 21 giờ 21 phút cùng ngày, Q1 cùng với Lương Văn Q2, sinh năm 1977, trú tại thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh B đến khu đất mới gần nhà T rồi gọi điện thoại cho T thông báo về việc đã đến nơi. T gọi điện bảo L quay lại nhà T để đón Q1 và Q2 đưa vào nhà D2. Sau đó T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98Y3-5288 cầm theo hai bộ bài tú lơ khơ 52 quân (một bộ màu xanh, một bộ màu đỏ) đi sang nhà Phạm Văn D2 để tổ chức cho các đối tượng đánh bạc. Tại đây, D2 đưa mọi người lên trên tầng 2, trải ra nền nhà 01 chăn nỉ màu cam, T bỏ ra hai bộ bài tú lơ khơ đã chuẩn bị từ trước để cho các đối tượng đánh bạc dưới hình thức đánh “liêng”.

Khoảng 22 giờ cùng ngày các đối tượng gồm: C2, C, C4, U, Q1, Q2 và L bắt đầu ngồi xuống tham gia đánh bạc, những người còn lại ngồi xem. Đến khoảng 22 giờ 15 phút cùng ngày thì có Lưu Văn T6, sinh năm 1979, trú tại thôn S, xã Đ, thành phố B, tỉnh B đến, Q1 dừng không chơi nữa, T6 ngồi vào vị trí của Q1 tham gia đánh bạc cùng mọi người. Sau đó lần lượt có thêm Thân Văn T7, sinh năm 1988, trú tại thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh B; Phạm Thị H6, sinh năm 1976, trú tại thôn Đ, xã Đ, thành phố B; Phạm Thị T8, sinh năm 1975, trú tại thôn S, xã Đ, thành phố B; Thân Văn T9, sinh năm 1991, trú tại thôn S, xã Đ, thành phố B và Nguyễn Văn T4,

sinh năm 1976, trú tại thôn P, xã Đ, thành phố B đến nhà Phạm Văn D2 và được T mở cửa cho vào trong nhà và đưa lên tầng 2. Trong đó có T7, T9 và T4 ngồi xuống trực tiếp tham gia đánh bạc cùng mọi người, còn H6 và T8 ngồi xem, không tham gia. N2 và S2 ngồi xem một lúc rồi cùng nhau ra về trước. Khi các đối tượng đánh bạc thì Nguyễn Văn H4 và Phạm Văn D2 cũng tham gia đặt tiền ké cửa để ăn thua sát phạt nhau bằng tiền. Lúc này những người đánh bạc gồm có C2, C, C4, U, T6, Q2, L, T7, T9 và T4. Các đối tượng tham gia đánh bạc đến 01 giờ 30 phút ngày 13/4/2020 thì bị Tổ công tác Công an thành phố Bắc Giang phát hiện bắt quả tang. Lợi dụng có sơ hở, Dương Văn H3, Thân Văn T7, Thân Văn U, Thân Văn T9 và Trịnh Văn L đã bỏ chạy sau đó ra đầu thú.

Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bao gồm: 02 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài (một bộ màu xanh, một bộ màu đỏ), 01 chiếc nỉ màu cam và số tiền 6.020.000 đồng.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn tạm giữ những đồ vật tài sản sau đây:

- Tạm giữ của Lương Văn Q2 số tiền 5.950.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, vỏ màu đen, số IMEI1: 355228083852457, số IMEI2:355229083852455; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu đen, có số IMEI1:355850090436477, IMEI2:355850095436472 và 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA COROLLA, màu sơn đen, biển kiểm soát 98A-219.06. Quá trình điều tra bị cáo Q2 đã tự nguyện giao nộp số tiền 20.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ của Đặng Văn C4 số tiền 53.300.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A20, vỏ màu xanh, có số IMEI1: 357648104129056, IMEI2: 357649104129054; 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Morning, màu sơn trắng, biển kiểm soát 98A-301.82 bên trong xe có số tiền 20.000.000 đồng và 01 sợi dây chuyền bằng kim loại màu vàng (đã được niêm phong gửi giám định).

- Tạm giữ của Nguyễn Văn H4 số tiền 3.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 5, có số IMEI:352032061666217.

- Tạm giữ của Nguyễn Văn T số tiền 450.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu hồng, có số IMEI: 355688075924558.

- Tạm giữ của Lưu Văn T6 số tiền 8.800.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 610, vỏ màu đen, có số IMEI1:356926093762363/40; IMEI2:356926093812366/40.

- Tạm giữ của Phạm Văn D2 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6S, vỏ màu trắng, có số IMEI:355697075594840.

- Tạm giữ của Ngụy Thị Q1 số tiền 9.400.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A9, vỏ màu đen, có số IMEI1: 355085100436221/01, số IMEI2:355086100436229/01.

- Tạm giữ của Nguyễn Văn C số tiền 32.020.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, vỏ màu trắng, có số IMEI: 356739085183039 và 01 xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI ELANTRA, vỏ màu đen, biển kiểm soát 98A-280.24. Quá trình điều tra bị can C đã tự nguyện giao nộp số tiền 20.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

- Tạm giữ, niêm phong 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA VIOS, màu sơn bạc, biển kiểm soát 98A-138.35.

- Tạm giữ của Nguyễn Văn T4 số tiền 80.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IteI, vỏ màu đen, có số IMEI1: 354975084149181, số IMEI2:354975084149199.

- Tạm giữ của Nguyễn Mạnh C2 số tiền 300.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, vỏ màu đen, có số IMEI: 359403088227684.

- Tạm giữ của Phạm Thị T8 số tiền 5.000.000 đồng; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, vỏ màu gold, có số IMEI: 358753056534854.

- Tạm giữ của Phạm Thị H6 số tiền 186.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 6, vỏ màu gold, có số IMEI: 356676089133992.

- Tạm giữ của Thân Văn U số tiền 8.960.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, có số IMEI1:358906077286843, số IMEI2:358906077286850.

- Tạm giữ của Thân Văn T7 số tiền 20.000.000 đồng do T7 tự nguyện giao nộp để đảm bảo thi hành án.

Cùng ngày, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn D2 thu giữ tại tầng hai 10 bộ bài tú lơ khơ chưa qua sử dụng và 05 bộ bài tú lơ khơ đã qua sử dụng. Thu giữ tại sân nhà 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s đã qua sử dụng.

Cơ quan điều tra còn tạm giữ tại sân nhà Phạm Văn D2 07 xe mô tô gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO, màu nâu-vàng-bạc, biển kiểm soát 98B1-635.58; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, màu sơn đen-xám, biển kiểm soát 98Y3-5288; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA SUPERDREAM, màu sơn nâu, biển kiểm soát 98B1-698.67; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA SUPERDREAM, màu sơn nâu, biển kiểm soát 98B1-794.86; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn trắng, biển kiểm soát 98H6-9119; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE @, màu sơn đen-bạc, biển kiểm soát 98B2-529.04; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, màu sơn đen-bạc, biển kiểm soát 98B3-576.87 (các xe đều đã qua sử dụng).

Ngày 14/4/2020, Thân Văn U đã đến Công an thành phố Bắc Giang đầu thú.

Trong ngày 15/4/2020 và 16/4/2020, Trịnh Văn L, Thân Văn T7, Thân Văn T9 đến Công an thành phố Bắc Giang đầu thú và thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của bản thân.

Ngày 13/4/2020 và 15/4/2020, Cơ quan điều tra đã cho C, T4, H4, C2, C4, Q2, T, T6, D2, T8, H6, Q1, L, U, T9, T7 nhận dạng qua ảnh, kết quả các đối tượng đều nhận dạng được những người tham gia đánh bạc và những người không tham gia đánh bạc vào đêm 12/4/2020 rạng sáng ngày 13/4/2020.

Ngày 24/6/2020, Cơ quan điều tra đã xác định hiện trường tại nhà Phạm Văn D2, kết quả như sau:

- Hiện trường vụ đánh bạc xác định tại số nhà 07, ngõ 36, đường thôn Sòi, xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang. Số nhà 07 gồm 02 tầng và 01 tầng gác xép, có cầu thang từ tầng 1 lên tầng 2. Khám nghiệm khu vực tầng 2 gian phòng phía Đông Nam có kích thước (7,9\*4,1)m có 01 cửa thông sang phía cầu thang lên xuống phía tây kích thước (0,8\*2,1) m, 01 cánh kim loại mở vào trong. Cửa là lối lên xuống ở cầu thang kích thước (0,86\*2,12) m, là các chấn song kim loại mở ra ngoài. Cửa sang ban công kích thước (2,2\*1,3)m, gồm hai cánh cửa mở vào trong.

- Trong phòng phía Đông Nam, trên tường Tây Nam tại vị trí cách sàn 1,0m, cách tường Đông Nam là 1,55m có 01 cửa sổ kích thước (1,4\*0,9)m, có 02 cánh kim loại mở ra ngoài. Trên tường Đông Nam, cách tường Tây Nam là 0,66m, cách sàn là 1,0 m có 01 cửa sổ kích thước (1,4\*0,9)m, có 02 cánh kim loại mở ra ngoài. Tại vị trí cạnh sát tường đông nam, sát tường đông bắc có 01 đệm kích thước (1,86\*1,5\*0,2) m. Cạnh đệm, bên phía tây bắc có diện sàn tầng 2 kích thước (2,6\*2,6) m, được xác định là vị trí các đối tượng ngồi đánh bạc.

- Ban công tầng 2 có kích thước (2,38\*4,85) m, thành lan can cao 0,85m.

Trong các ngày 21/5/2020, 28/5/2020, 20/6/2020, 24/6/2020 Cơ quan điều tra đã tiến hành kiểm tra điện thoại thu giữ của T, Q1, D2, T4, C2, T6, C4.

Quá trình điều tra xác định cách thức đánh bạc bằng hình thức chơi “Liêng” như sau: Các bị cáo sử dụng bộ bài tú lơ khơ 52 quân để chơi. Những người chơi ngồi thành vòng tròn, bắt đầu một ván thì mỗi người góp 100.000 đồng để vào giữa chiếu gọi là “tiền gà”, sau đó một người làm chương chia bài cho mỗi người chơi 03 quân bài, sau khi chia bài xong thì người làm chương được đưa ra mức “tố” (tức là đặt tiền), mức “tố” thấp nhất là 100.000 đồng, cao nhất là 500.000 đồng hoặc úp bài (dùng chơi ván bài đó). Những người còn lại có thể theo hoặc úp bài xuống, mỗi ván bài không được tố quá 3 vòng. Sau đó những người tham gia tố sẽ mở bài ra để so, bài ai lớn nhất thì được ăn toàn bộ số tiền ở giữa chiếu bạc. Nếu chỉ có một người tố, những người còn lại không theo thì người tố được ăn số “tiền gà”. Xong mỗi ván bài

ai thắng thì sẽ được làm chương ván bài tiếp theo. Quy ước: 03 quân bài giống nhau thì được gọi là “sáp” (ba quân bài “A” là lớn nhất và ba quân bài “2” là nhỏ nhất); 03 quân bài liên tiếp nhau thì được gọi là “liêng”, 03 quân bài cùng chất với nhau được gọi là “đồng hoa”, trường hợp cùng chất thì thứ tự lớn đến bé lần lượt là “Rô > Cơ > Bích > Tép” (“liêng” lớn nhất là bộ ba quân bài “Q,K,A”); 03 quân bài gồm các quân bài “J hoặc Q hoặc K” nhưng không phải liên tiếp thì được gọi là “đĩ”; nếu 03 quân bài không thuộc các trường hợp trên thì tính điểm bằng cách cộng điểm các quân bài lại với nhau, 10, J, Q, K được tính là 0 điểm, A tính là 1 điểm, các quân bài còn lại được tính điểm theo số ghi trên quân bài. Ai được 9 điểm là cao nhất (nếu được 10 hoặc 20 điểm thì tính là 0 điểm, được 12 hoặc 22 điểm thì tính là 2 điểm ...). Quy định “sáp” là lớn nhất, sau đó đến “đồng hoa”, đến “liêng”, đến “đĩ” rồi đến tính điểm. Ngoài ra trong mỗi ván bài, những người chơi có thể cá cược với người làm chương, mức đặt cược thấp nhất (chống cửa) là 100.000 đồng, không hạn chế tối đa, tùy theo thỏa thuận giữa người chơi với người làm chương; người nào được “sáp” hoặc “đồng hoa” thì sẽ được của những người chơi còn lại số tiền lần lượt là 500.000 đồng và 300.000 đồng.

Ngoài ra còn quy định mỗi người tham gia đánh bạc sẽ phải nộp tiền hồ cho T số tiền là 100.000 đồng/người/1 giờ đồng hồ; ngoài ra trong mỗi ván bài có ai được ăn “sáp” hoặc “đồng hoa” thì nộp cho T số tiền lần lượt là 300.000 đồng và 200.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc cụ thể như sau:

1. Bị cáo Lương Văn Q2 trước khi tham gia đánh bạc có 5.650.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền 5.650.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc đến khi bị bắt Q2 đang thắng số tiền 300.000 đồng. Khi bị bắt bị thu giữ tổng số tiền 5.950.000 đồng.

2. Bị cáo Đặng Văn C4 trước khi tham gia đánh bạc có 33.000.000 đồng, tại nhà Phạm Văn D2, C4 trả cho Nguyễn Thị Q1 5.000.000 đồng đã vay từ trước đó, C4 sử dụng số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc, còn lại số tiền 25.000.000 đồng không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc C4 đang thắng số tiền là 25.300.000 đồng. Khi bị bắt bị tạm giữ số tiền 53.300.000 đồng (Trong đó có 25.300.000 đồng là tiền đang thắng bạc và 3.000.000đ là tiền C4 bỏ ra đánh bạc từ đầu, số tiền 25.000.000 đồng còn lại không sử dụng vào mục đích đánh bạc).

3. Bị cáo Nguyễn Văn H4 trước khi tham gia đánh bạc có 113.000 đồng, sử dụng 110.000 đồng để đánh bạc với Nguyễn Thị Q1, Phạm Thị T8 và bị thua hết, sau đó được Nguyễn Thị Q1 cho 200.000 đồng, H4 sử dụng toàn bộ số tiền 200.000 đồng

để tham gia ké cửa đặt tiền đánh bạc và bị thua hết. Số tiền 3.000 đồng bị tạm giữ không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

4. Bị cáo Lưu Văn T6 trước khi đánh bạc có 12.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền 12.000.000 đồng để đánh bạc, đến khi bị bắt đang bị thua số tiền 3.200.000 đồng. Số tiền 8.800.000 đồng bị tạm giữ là tiền sử dụng đánh bạc.

5. Bị cáo Phạm Văn D2 trước khi đánh bạc có 1.200.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền 1.200.000 đồng để tham gia ké cửa đặt tiền đánh bạc và bị thua hết.

6. Bị cáo Nguyễn Thị Q1 trước khi đánh bạc có 4.050.000 đồng, tại nhà Phạm Văn D2 được Đặng Văn C4 trả nợ số tiền 5.000.000 đồng, khi tham gia đánh bạc bỏ ra số tiền 200.000 đồng để đánh bạc và thắng được số tiền 800.000 đồng thì nghỉ không chơi nữa. Sau đó cho Nguyễn Văn H4 số tiền 200.000 đồng. Q1 đánh phỏm với Phạm Thị T8 bị thua số tiền 250.000 đồng. Khi bị bắt bị tạm giữ số tiền 9.400.000 đồng (Trong đó 200.000 đồng sử dụng đánh bạc, 800.000 đồng tiền thắng bạc), còn số tiền 8.400.000 đồng không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

7. Bị cáo Nguyễn Văn C trước khi đánh bạc mang theo 30.020.000 đồng, trong đó 20.000 đồng không sử dụng vào mục đích đánh bạc, còn lại số tiền 30.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi đánh bạc bị cáo đang thắng số tiền 2.000.000 đồng. Khi bị bắt bị tạm giữ số tiền 32.020.000 đồng (Trong đó 30.000.000 đồng sử dụng đánh bạc, 2.000.000 đồng tiền thắng bạc) và 20.000 đồng không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

8. Bị cáo Nguyễn Văn T4 trước khi đánh bạc có 1.580.000 đồng, trong đó có 80.000 đồng đút ở túi quần hậu không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Khi tham gia đánh bạc bị cáo sử dụng số tiền 1.500.000 đồng bỏ ra chiều bạc để đánh bạc và bị thua hết. Số tiền 80.000 đồng bị tạm giữ không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

9. Bị cáo Nguyễn Mạnh C2 trước khi đánh bạc có 3.500.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền 3.500.000 đồng để đánh bạc. Đến khi bị bắt đang bị thua số tiền 3.200.000 đồng. Số tiền 300.000 đồng bị tạm giữ là tiền sử dụng đánh bạc.

10. Bị cáo Thân Văn U trước khi đánh bạc không có tiền, vay của Nguyễn Văn T được số tiền 5.000.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền 5.000.000 đồng để đánh bạc, đang thua số tiền 2.500.000 đồng, còn lại số tiền 2.500.000 đồng khi Công an phát hiện bị cáo cầm theo và bỏ chạy. Ngày 14/4/2020 bị cáo đến cơ quan điều tra đầu thú, tự nguyện giao nộp lại số tiền 2.500.000 đồng sử dụng đánh bạc và bị tạm giữ số tiền 6.460.000 đồng là tiền không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

11. Bị cáo Thân Văn T7 trước khi đánh bạc có 800.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền 800.000 đồng để đánh bạc và bị thua hết.

12. Bị cáo Thân Văn T9 trước khi đánh bạc có 1.700.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền 1.700.000 đồng để đánh bạc. Ngoài ra quá trình đánh bạc bị cáo vay của Nguyễn Văn T số tiền 250.000 đồng để đánh bạc, tổng số tiền bị cáo sử dụng để đánh bạc là 1.950.000 đồng, quá trình đánh bạc bị thua 1.750.000 đồng, còn lại 200.000 đồng khi Công an phát hiện bị cáo cầm theo và bỏ chạy.

13. Bị cáo Trịnh Văn L trước khi đánh bạc có 300.000 đồng, sử dụng toàn bộ số tiền 300.000 đồng để đánh bạc và bị thua hết. Sau đó vay của Nguyễn Văn T số tiền 3.000.000 đồng và sử dụng toàn bộ số tiền 3.000.000 đồng để đánh bạc. Tổng số tiền bị cáo sử dụng để đánh bạc là 3.300.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo khai sử dụng đánh bạc và thắng bạc thu giữ được trên người các bị cáo là: 78.850.000 đồng và số tiền thu giữ trên chiếu bạc khi bắt quả tang là 6.020.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định được Nguyễn Văn T nhờ Nguyễn Văn L mượn địa điểm của Phạm Văn D2 tổ chức cho các đối tượng đánh bạc để thu “tiền hồ” của những người chơi bạc với mức là 100.000đ/người/1 giờ đồng hồ; ngoài ra trong mỗi ván bài có ai được ăn “sáp” hoặc “đồng hoa” thì nộp cho T số tiền lần lượt là 300.000 đồng và 200.000 đồng. Tối ngày 12/4/2020 từ lúc bắt đầu đánh bạc cho đến khi bị bắt quả tang không có người nào được ăn “sáp” hoặc “đồng hoa”, T đã thu tiền hồ của các đối tượng gồm: C2, C, C4, U, Q2, L, T6 mỗi người 02 lần, mỗi lần 100.000 đồng được tổng số tiền 1.400.000 đồng, ngoài ra T thu của: T7, T9 và T4 mỗi người 01 lần, mỗi lần 100.000 đồng được số tiền 300.000 đồng. Tổng số tiền T thu lợi bất chính là 1.700.000 đồng.

Đối với Nguyễn Văn N2, Nguyễn Văn S2, Phạm Thị T8, Phạm Thị H6 và Dương Văn H3 là những người có mặt tại nhà Phạm Văn D2 khi các đối tượng đánh bạc. Tại thời điểm lực lượng Công an bắt quả tang, N2 và S2 đã ra về trước, H3 bỏ chạy không bị bắt giữ, còn lại T8 và H6 bị bắt giữ tại chỗ cùng số đối tượng đang đánh bạc. Quá trình điều tra xác định N2, S2, H3, T8 và H6 đến nhà D2 chơi, ngồi xem mọi người đánh bạc, không tham gia đánh bạc.

Ngoài ra trong quá trình ngồi xem các đối tượng đánh bạc, Phạm Thị T8 có hành vi đánh “liêng” bằng bộ bài tứ lơ khơ 52 quân cùng với Nguyễn Văn H4 và Ngụy Thị Q1, mức vào gà 20.000 đồng/ván. T8 bỏ ra số tiền 60.000 đồng để chơi, thắng được số tiền 60.000 đồng, sau đó H4 nghỉ không chơi thì T8 và Q1 chuyển sang chơi đánh “phỏm” 50.000 đồng /ván, T8 bỏ thêm 30.000 đồng ra thành 150.000 đồng để chơi với Q1, đến khi bị bắt quả tang thì T8 đang thắng của Q1 số tiền là 250.000 đồng. Số tiền T8 sử dụng đánh bạc và thắng bạc là 400.000 đồng. Tổng số tiền T8, H4 và Q1 sử dụng để đánh bạc với nhau dưới 5.000.000 đồng, chưa đến mức truy cứu

trách nhiệm hình sự nên ngày 02/7/2020, Trưởng Công an thành phố Bắc Giang đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với T8 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc.

Cáo trạng số: 133/CT-VKS ngày 07/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang đã truy tố các bị cáo về các hành vi như sau:

- Nguyễn Văn T bị truy tố về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo Trịnh Văn L bị truy tố về tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 và tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T4, Nguyễn Mạnh C2, bị truy tố về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 133/2020/HS-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Bị cáo Trịnh Văn L phạm tội “Tổ chức đánh bạc” và tội “Đánh bạc”. Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn T4 và Nguyễn Mạnh C2 phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm a, c khoản 1, 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 01 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ 13/4/2020 đến ngày 14/7/2020. Phạt bổ sung bằng tiền bị cáo T 20.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trịnh Văn L 80.000.000đồng về tội “Tổ chức đánh bạc” và 03 năm tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung bằng tiền bị cáo L 10.000.000đồng về tội “Đánh bạc” để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn C 03 năm 04 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ 13/4/2020 đến ngày 06/7/2020. Phạt bổ sung bằng tiền bị cáo C 15.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Mạnh C2 03 năm 02 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ 13/4/2020 đến ngày 08/5/2020. Phạt bổ sung bằng tiền bị cáo C2 13.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T4 03 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ 13/4/2020 đến ngày 08/5/2020. Phạt bổ sung bằng tiền bị cáo T4 13.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên xử phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/9/2020, bị cáo Trịnh Văn L kháng cáo; ngày 23/9/2020 bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo; ngày 28/9/2020 bị cáo Nguyễn Văn T4 kháng cáo, các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 24/9/2020 bị cáo Nguyễn Văn C kháng cáo; ngày 28/9/2020 bị cáo Nguyễn Mạnh C2 kháng cáo, các bị cáo đều xin giảm nhẹ hình phạt.

Trước khi xét xử phúc thẩm, ngày 20/11/2020, bị cáo Trịnh Văn L đã có đơn xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo, ngày 23/11/2020 bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Mạnh C2 xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên toà phúc thẩm các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T4 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo với lý do:

Bị cáo Nguyễn Văn T trình bày: Bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ con ốm đau, bị cáo phạm tội lần đầu, đã nộp đầy đủ tiền phạt, tiền truy thu và án phí Hình sự sơ thẩm, bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì.

Bị cáo Nguyễn Văn T4 trình bày: Bị cáo phải nuôi mẹ già và con nhỏ, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, bị cáo có bố đẻ là người có công với cách mạng tham gia chống Mỹ được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, có chú là em ruột bố đẻ bị cáo là Liệt sỹ chưa có vợ con hiện gia đình bị cáo đang thờ cúng, bị cáo đã nộp đủ tiền phạt và án phí Hình sự như án sơ thẩm tuyên.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đưa ra đề nghị xem xét các vấn đề kháng cáo mà các bị cáo nêu ra đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T4, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo. Các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T4 không phải chịu án phí hình sự phúc.

Bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T4 không có ý kiến tranh luận gì.  
Bị cáo Nguyễn Văn T nói lời sau cùng: Không có ý kiến gì.  
Bị cáo Nguyễn Văn T4 nói lời sau cùng: Không có ý kiến gì.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn T, Trịnh Văn L, Nguyễn Văn C, Nguyễn Mạnh C2 và Nguyễn Văn T4 đã được làm trong thời hạn kháng cáo và gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự nên được coi là đơn kháng cáo hợp pháp. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của các bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

Trước khi xét xử phúc thẩm, ngày 20/11/2020 bị cáo Trịnh Văn L đã có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo, ngày 23/11/2020 bị cáo Nguyễn Văn C và Nguyễn Mạnh C2 có đơn xin rút toàn bộ kháng cáo. Tại thông báo rút kháng cáo số: 29/2020/TB-TA ngày 20/11/2020 và số 30/2020/TB-TA ngày 23/11/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã có văn bản thông báo gửi cho bị cáo Trịnh Văn L, Nguyễn Văn C và Nguyễn Mạnh C2 cũng như những người tham gia tố tụng và các cơ quan tiến hành tố tụng biết, nên Hội đồng xét xử không xem xét kháng cáo của bị cáo Trịnh Văn L, Nguyễn Văn C và Nguyễn Mạnh C2.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T4 thì thấy: Hồi 01 giờ 30 phút ngày 13/4/2020, tại nhà Phạm Văn D2, ở thôn Sòi, xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang, Công an thành phố Bắc Giang bắt quả tang Nguyễn Văn T, Phạm Văn D2 và Trịnh Văn L có hành vi tổ chức cho các đối tượng gồm Nguyễn Văn H4, Lưu Văn T6, Thân Văn T9, Thân Văn U, Lương Văn Q2, Nguyễn Văn C, Đặng Văn C4, Thân Văn T7, Ngụy Thị Q1, Nguyễn Mạnh C2 và Nguyễn Văn T4 đánh bạc ăn tiền dưới hình thức đánh “Liêng”. Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang bao gồm 02 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài (một bộ màu xanh, một bộ màu đỏ), 01 chiếu nỉ màu cam và số tiền 6.020.000 đồng.

Quá trình tổ chức đánh bạc Phạm Văn D2 và Trịnh Văn L cũng tham gia đánh bạc với các bị cáo khác. Qua đấu tranh các bị cáo khai nhận rõ hành vi phạm tội của bản thân và xác định được tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 84.870.000 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật

Hình sự. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T4 đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Từ những nội dung trên án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tổ chức đánh bạc”. Bị cáo Nguyễn Văn T4 về tội “Đánh bạc”; là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo thấy: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T4 chỉ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, nên các vấn đề khác của án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, HĐXX phúc thẩm không đặt ra giải quyết.

Xét kháng cáo xin được giảm hình phạt tù và được hưởng án treo đối với các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T4 thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T4 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, là có căn cứ.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Án sơ thẩm xác định trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T4 có bố đẻ là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng huân, huy chương kháng chiến; nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, là có căn cứ.

Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn T4 đã một lần bị kết án về tội đánh bạc. Bản án số: 35/2012/HSST ngày 16/7/2012 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang xử phạt 05 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội “Đánh bạc”, bị cáo chấp hành xong tháng 11/2013. Xét thấy bị cáo bị xét xử đã lâu, tổng số tiền bị thu giữ trên chiếu của các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc 3.815.000đồng, số tiền bị cáo T4 sử dụng vào việc đánh bạc là 60.000đồng. Với tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc theo Bộ luật Hình sự năm 2015 thì bị cáo không phải truy cứu trách nhiệm hình sự, chỉ bị xử lý hành chính.

Xét thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự xã hội tại địa phương. Đồng thời là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Các bị cáo biết rõ hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc là trái phép và sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Nhưng vì động cơ vụ lợi các bị cáo vẫn phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp thể hiện sự coi thường pháp luật. Việc truy tố các bị cáo về tội “Tổ chức đánh bạc” và “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 và điểm b khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự 2015, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy cần phải có hình phạt tương xứng với tính và

hành vi phạm tội của các bị cáo, nhằm cải tạo, giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Án sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 năm 03 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo Nguyễn Văn T4 03 năm tù về tội “Đánh bạc” là tương xứng với hành vi phạm tội, không nặng đối với các bị cáo.

Tại quá trình xét xử phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn T xuất trình 01 Biên lai thu tiền số AA/2012/00840 ngày 03/11/2020 nộp đủ số tiền phạt bổ sung, tiền truy thu nộp ngân sách nhà nước và án phí hình sự sơ thẩm là 21.450.000đồng; bị cáo Nguyễn Văn T4 xuất trình 01 Biên lai thu tiền số AA/2012/00851 ngày 20/11/2020 nộp đủ số tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm là 13.120.000đồng và 01 đơn xác nhận của UBND xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang xác nhận ông Nguyễn Văn Tồn là em ruột bố đẻ bị cáo T4 là Liệt sỹ. Xét thấy đây là các tình tiết giảm nhẹ mới chưa được cấp sơ thẩm áp dụng cho các bị cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên sẽ xem xét áp dụng cho các bị cáo tại cấp phúc thẩm.

Hội đồng xét xử thấy bị cáo Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng, có nơi cư trú ổn định rõ ràng. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo T đã tự nguyện nộp đủ số tiền phạt bổ sung, tiền truy thu nộp ngân sách nhà nước và án phí hình sự sơ thẩm, tổng cộng là 21.450.000đồng, bị cáo T4 đã nộp đủ số tiền phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm, tổng cộng là 13.120.000đồng và có tình tiết mới là có ông Nguyễn Văn Tồn là em ruột bố đẻ bị cáo T4 là Liệt sỹ gia đình bị cáo đang thờ cúng. Đối chiếu với Nghị Quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo; do vậy, không cần thiết bắt các bị cáo phải cách ly khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú quản lý, giáo dục cũng đủ điều kiện để giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T, và Nguyễn Văn T4 được chấp nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

[1]. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T4 xin được hưởng án treo; sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Bị cáo Nguyễn Văn T4 phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng điểm a, c khoản 1, 3 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bằng tiền bị cáo T 20.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Áp dụng điểm b khoản 2, 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T4 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bằng tiền bị cáo T4 13.000.000đồng để sung quỹ Nhà nước.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T4 cho Ủy ban nhân dân xã Đồng Sơn, thành phố Bắc Giang; giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể Quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[2]. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn T4 không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

- Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn T đã nộp 21.450.000đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2012/00840 ngày 03/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn T4 đã nộp 13.120.000đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2012/00851 ngày 20/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

[3] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- CA-VKS-TA-CCTHADS sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Gia Lương**